TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/HNGĐ -ST
Ngày: 20/7/2017.
" V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Anh.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Nguyễn Thị Tu** - Cán bộ hưu trí xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

2. **Ông Trần Mạnh Khang** - Phó giám đốc trung tâm chính trị huyện H, thành phố Hà Nội.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện H -Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngát - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H -Thành phố Hà Nội.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/DSST - TLST ngày 9/5/2017 về việc : "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970.

TQ: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Ngô Thị K, sinh năm 1967.

TQ: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

<u>Người làm chứng:</u> Bà Ngô Thị Tráng, sinh năm 1937.

TQ: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và các biên bản hòa giải và tại các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Toà án và tại phiên toà nguyên đơn là ông Ngô Văn T trình bày:

Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội vào ngày 25 tháng 03 năm 1992, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng có tính cách không hợp nhau. Từ thời điểm năm 1993 đến nay, ông và bà K đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị K.

Về con chung: Ông và bà Ngô Thị K có một con chung là: Anh Ngô Văn P, sinh năm 1992. Hiện anh P đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của anh, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 09 tháng 5 năm 2017; biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên toà bị đơn là bà Ngô Thị K trình bày:*

Về tình cảm: Về thời gian, địa điểm kết hôn bà Ngô Thị K đồng ý với lời khai của ông Ngô Văn T. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông T xin ly hôn, bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông Ngô Văn T và bà có một con chung là: Anh Ngô Văn P, sinh năm 1992. Hiện anh P đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của anh, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Bà không yêu cầu Toà giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên nếu Toà án giải quyết cho bà và ông T ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán cho bà những khoản tiền sau:

- 02 (hai) chỉ vàng ông T vay bà K vào năm 1991;

- 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) ông T vay bà K vào năm 1991;

- 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng) tiền đường là tài sản riêng của bà K nhưng bà đã nhập vào tài sản chung của vợ chồng để kinh doanh;

- Tiền công chăm sóc con cái 24 năm khi bà K tàn tật nuôi con một mình;

- Tiền ma chay giỗ tết bà K đã đi lại với bên nhà chồng;

Đối với khoản tiền ma chay, giỗ tết bà K yêu cầu ông T thanh toán theo quy định của pháp luật. Tất cả những khoản tiền mà bà K yêu cầu ông T thanh toán bà K không có giấy tờ gì chứng minh cũng như không có người làm chứng.

**** Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 6 năm 2017 UBND xã Đ cung cấp:*** Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ vào ngày 25/3/1992. Quá trình chung sống ông T và bà K có 01 con chung là: Anh Ngô Văn P, sinh năm 1992, anh P hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Hiện nay bà K đang sinh sống và tự mở cửa hàng bán tạp hoá tại nhà riêng và bà K không chung sống cùng gia đình ông T.

* ***Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 6 năm 2017, người làm chứng là bà Ngô Thị Tráng trình bày***: Bà là mẹ đẻ của anh Ngô Văn T, kể từ khi kết hôn đến nay anh T và chị K không ở chung cùng bà nên không có tài sản chung trong gia đình bà. Chồng bà đã chết từ lâu. Việc giỗ chạp hàng năm của gia đình bà tự bà đứng lên lo liệu, chị K vợ anh T chưa phải lo bất cứ cúng giỗ lễ tết nào tại gia đình bà, việc chị K có đi thăm hỏi ma chay giỗ tết bên gia đình nhà bà là do chị K tự nguyện đi lại, gia đình bà không bắt buộc chị K phải đi lại thăm hỏi ma chay giỗ tết tại nhà bà. Nay chị

K yêu cầu anh T phải thanh toán khoản đi lại ma chay cúng giỗ nhà chồng là không có căn cứ, đề nghị Toà án xem xét bác yêu cầu này của bà K. Khi Toà án tiến hành hoà giải xét xử vụ kiện bà xin vắng mặt tại toà.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại điều 70, 71 và điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ luật Hôn nhân gia đình và các văn bản pháp luật khác đề nghị Hội đồng xét xử: Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Ngô Văn T. Cho ông T được ly hôn bà K.

Về con chung: Con chung của ông T và bà K là anh Ngô Văn P đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và bà K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đối với các yêu cầu khác của bà Ngô Thị K: Bác toàn bộ tất cả các yêu cầu của bà K.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K là tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung sau ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T:

Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T và bà K chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Bà K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông T ly hôn bà K.

- Về con chung:

Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K có một con chung là anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992. Anh P đã trưởng thành, là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng:*

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét các yêu cầu của bà K:

+ Đối với 02 chỉ vàng; 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng); 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng) bà K cho rằng cho ông T vay và đưa cho ông T kinh doanh, ông T không thừa nhận các khoản này, bà K không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu tiền công chăm sóc con cái 24 năm: Anh Ngô Văn P là con chung của ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K vì vậy ông T và bà K phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc cùng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông T không đồng ý thanh toán khoản tiền này cho bà K vì lý do ông vẫn thường xuyên

quan tâm và cùng chăm sóc con chung với bà K nên yêu cầu của bà K buộc ông T phải thanh toán tiền công chăm sóc con chung 24 năm là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu thanh toán tiền ma chay giỗ tết bà K đã đi lại với bên nhà chồng: Việc bà T đi lại giỗ tết với gia đình ông T là sự tự nguyện của bản thân bà, cũng là đạo đức, tập quán trong gia đình của người Việt Nam. Ông T không đồng ý thanh toán cho bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

- *Về án phí:* Ông Ngô Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều 143; Điều 183; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, cho ly hôn giữa ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K.

2**. Về con chung:**

Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K có 01 con chung là anh Ngô Văn P, sinh năm 1992, hiện nay anh P đã đủ tuổi trưởng thành và đã kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng:

Ghi nhận ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

4. Bác các yêu cầu về tài sản khác của bà Ngô Thị K.

5. Về án phí:

- Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Ngô Văn T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2010/0009872 ngày 9 tháng 5 năm 2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện H - TP Hà Nội. Ông Ngô Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án huyện H
- VKSND huyện H;
- Phòng GĐKT- TAND TP Hà Nội
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Anh